TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 171/2020/QĐST-VDS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Củ Chi, ngày 09 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người mất tích
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Đào Văn Tiền, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 86/2020/TLST-VDS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 190/2020/QĐST-VDS ngày 29 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:* Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, đường T, ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Kim H1, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Số X, đường số Y, ấp S, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp ngày 02/02/2020, người yêu cầu là ông Lê Thành Đ trình bày:

Ông và bà Trần Kim H1 tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 12/2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 211/2008, ngày 23/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Sau khi kết hôn, ông và bà H1 chung sống với nhau tại ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An, chỉ chung sống với nhau được 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. bà Huệ bỏ về sinh sống tại Số X, đường số Y, ấp S, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay không trở về. Do thời gian quá lâu không có tin tức về bà Huệ nên ông có đến Số X, đường số Y, ấp S, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm nhưng chính quyền địa phương cho biết bà H1 bỏ địa phương đi từ năm 2008

cho đến nay không có tin tức, không biết ở đâu, ông cũng đã tìm kiếm nhưng người thân cũng không biết bà H1 hiện nay ở đâu. Nay để thực hiện thủ tục ly hôn nên ông yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Kim H1, sinh năm 1961, có nơi cư trú cuối cùng tại Số X, đường số Y, ấp S, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung Đơn yêu cầu tuyên bố bà Trần Kim H1 mất tích nộp ngày 02/02/2020 của ông Lê Thành Đ, có cơ sở xác định yêu cầu của ông Đ là "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" theo quy định tại Khoản 3 Điều 27 của Bộ luật Dân sư năm 2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Kim H1 có nơi cư trú tại xã H2, huyện C nên vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 35 và Điểm b Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quyền yêu cầu tuyên bố một người mất tích:

Ông Lê Thành Đ là chồng của bà Trần Kim H1 nên có quyền yêu cầu tuyên bố bà H1 mất tích theo quy định tại Khoản 1 Điều 387 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của ông Lê Thành Đ thì ông và bà Trần Kim H1 xây dựng gia đình năm 2008, trong quá trình chung sống, ông và bà H1 không có con chung. Năm 2008, bà H1 bỏ nhà tại địa chỉ ấp S, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đi cho đến nay, mặc dù ông Đ đã tìm mọi cách để nhắn tin, tìm kiếm nhưng không tìm được và cũng không có tin tức về bà H1. Nay để thực hiện thủ tục ly hôn giữa ông Đ và bà H1 nên ông Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Kim H1, sinh năm 1961, có nơi cư trú cuối cùng tại ấp S, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích.

Tại xác nhận của Công an xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/12/2019 thể hiện: Bà Trần Kim H1, sinh năm 1961, đã bỏ địa phương đi từ năm 2008, không có mặt tại ấp S, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ đi đâu, không khai báo với chính quyền địa phương.

Ngày 20/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số 03/2020/QĐST-**V**DS. Quyết định này được đăng tải trên báo Công lý 03 (Ba) số liên tiếp vào các ngày 25/02/2020, 26/02/2020 và 27/02/2020; phát thanh trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 (Ba) lần liên tiếp vào các ngày 24/02/2020, 25/02/2020 và 26/02/2020. Song song đó, ngày 20/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã đăng tải thông tin tìm kiếm bà Trần Kim H1 trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hết thời hạn 04 (Bốn) tháng kể từ ngày đăng thông báo tìm kiếm bà Trần Kim H1 trên

báo, đài và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà Trần Kim H1 vẫn không có mặt, cũng không có thông tin gì về bà Trần Kim H1.

Như vậy, bà Trần Kim H1 đã biệt tích 02 (Hai) năm liền trở lên mà không có tin tức xác thực về việc bà H1 còn sống hoặc đã chết mặc dù ông Đ đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm theo quy định tại Khoản 2 của Điều 387 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Khi một người biệt tích 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án có thể tuyên bố người đó mất tích"*. Do đó, việc ông Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H1 mất tích là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 387 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên họp phát biểu: Quá trình thụ lý và tại phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 và Điều 377 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp, đề nghị Thẩm phán Chủ tọa phiên họp áp dụng Khoản 3 Điều 27 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 27, Điểm a Khoản 2 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 39, Khoản 1 Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Thành Đ.

Tuyên bố bà Trần Kim H1, sinh năm: 1961, có nơi cư trú cuối cùng tại ấp S, xã H2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Thành Đ phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm theo biên lai số: AA/2019/0083941 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Ông Đ đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã H2, huyện C;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP